TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2023.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.
Các hội thâm nhân dân 1/ Bà Nguyễn Thị Tâm;
2/ Bà Trần Thị Hồng Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đại Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm PN, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên *(Có mặt tại phiên tòa).*

Bị đơn: Anh Lộc Thanh S, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm B, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh Lộc Thanh S đăng ký kết hôn ngày 26/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn, chị và anh S có quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn chị sống tại nhà bố mẹ anh S tại xóm Bắc Dọoc, xã ĐM, huyện Đ. Sau đó, năm 2010 anh chị được bố mẹ anh S cho một mảnh đất gần nhà để làm nhà ra ở riêng. Đến năm 2012 chị đi làm công nhân tại thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, sau đó anh S cũng xuống đi làm công nhân, hai vợ chồng sống cùng nhà trọ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh, chị bắt đầu sảy ra từ tháng 5 năm 2021, nguyên nhân anh chị bất đồng quan điểm sống, chị nghi ngờ anh S có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng anh S không nhận dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên cãi cọ nhau. Đến tháng 6 năm 2021 chị về nhà bố mẹ đẻ tại xóm PN, xã PĐ, huyện Đ sinh sống. Đến tết Nguyên đán năm 2023, gia đình động viên, chị đã về nhà ăn tết cùng anh S và các con, nhưng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn xảy ra, anh đã đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là Lộc Thanh Trọng, sinh ngày 16/3/2009 và Lộc Thanh Tâm, sinh ngày 08/3/2012. Hiện nay các cháu Trọng đang học lớp 7 tại trường THCS Hoàng Ngân xã ĐM và cháu Tâm đang họp lớp 5 trường tiểu học ĐM. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu Tâm và yêu cầu anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cháu Trọng. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung vì mỗi người nuôi dưỡng một con chung.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết chị T trình bày không có. Tuy nhiên tại phiên tòa chị trình bày chị và anh S có 01 ngôi nhà cấp bốn xây trên đất của bố mẹ đẻ anh S chưa S tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị. Khi ly hôn anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị T xác định, chị và anh S không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lộc Thanh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh S trình bày:

Anh S xác định lời trình bày của chị T về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung như chị T trình bày là đúng anh không bổ sung gì thêm. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, ngoài lý do chị T trình bày theo anh thì nguyên nhân cũng do chị T đi làm công nhân ít có thời gian chăm sóc cho gia đình và chồng con, anh thừa nhận có to tiếng cãi cọ, tát chị T mấy lần. Nay chị T cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh S xác định vợ chồng có 02 chung như chị T trình bày là đúng. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lộc Thanh Tâm anh không đồng ý. Anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Anh S xác định anh và chị T có xây một ngôi nhà cấp 4 trên đất của bố mẹ anh cho. Khi ly hôn anh và chị T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Anh S xác định, anh và chị T không có, không yêu cầu Tòa án, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã làm thủ tục theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin ly hôn; Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm và yêu cầu anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trọng, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Tâm; Về tài sản chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về các khoản vay, nợ chung: Chị T và anh S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến.

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn, bị đơn. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn trong quá trình giải quyết, ban đầu anh S đến Tòa án theo đúng giấy triệu tập, tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh S không đến Tòa án giải quyết, dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lộc Thanh S; Về con chung: Chị T và anh S có hai con chung là Lộc Thanh Trọng, sinh ngày 16/3/2009 và Lộc Thanh Tâm, sinh ngày 08/3/2012. Khi ly hôn giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm và anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trọng đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T và anh S; Về tài sản chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị T và anh S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ bằng biện pháp xác minh,lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát theo khoản 2 - Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lộc Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyên, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh S nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị nghi kỵ, nghi ngờ nhau, bất đồng quan điểm sống. Dẫn đến giữa chị T và anh S thường xuyên có lời nói xúc phạm nhau, xô sát nhau, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị T không còn quan tâm đến anh S nữa, cương quyết xin được ly hôn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp, đúng thực tế cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là Lộc Thanh Trọng, sinh ngày 16/3/2009 và Lộc Thanh Tâm, sinh ngày 08/3/2012. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T và anh S. Hội đồng xét xử xét thấy: việc nuôi con cần phải được xem xét đến điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của cả bố và mẹ, để bảo đảm con chung của anh, chị phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần. Chị T và anh S đều có thu nhập và nơi ở ổn định, đều có khả năng nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó còn phải xem xét đến nguyện vọng của cháu Trọng và cháu Tâm, khi anh chị ly hôn cháu Tâm mong muốn được ở với mẹ và cháu Trọng mong muốn được ở với bố. Nguyện vọng của các cháu là phù hợp với đề nghị của chị T và gia đình chị T. Căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc Thanh Tâm, anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc Thanh Trọng đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự túc được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh S đều từ nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị T và anh S không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều147; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lộc Thanh S.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lộc Thanh Tâm, sinh ngày 08/3/2012 đến khi cháu Tâm trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Giao cho anh Lộc Thanh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lộc Thanh Trọng, sinh ngày 16/3/2009 đến khi cháu Trọng trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T và anh S do cả hai anh chị đều tự nguyện không yêu cầu.

Chị T và anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lộc Thanh S tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lộc Thanh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

5.Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sũng quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004746 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnhTN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã PĐ, huyện Đ;
(ĐKKH số 14, ngày 26/02/2008)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng